

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN BÌNH KHIÊM

=====

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN 9
NĂM HỌC 2024- 2025

A. NỘI DUNG ÔN TẬP:

PHẦN I. VĂN BẢN:

1. Yêu cầu chung: Học sinh ôn tập các văn bản:

TT	Thể loại
1.	Thơ và thơ song thất lục bát
2.	Truyện thơ Nôm

2. Cụ thể: Học sinh cần nắm vững:

- Một số yếu tố thi luật của thể thơ song thất lục bát
- Đặc điểm của truyện thơ Nôm
- Vận dụng những kiến thức đã học ở từng thể loại để làm bài.

PHẦN II. TIẾNG VIỆT:

Ôn tập các kiến thức tiếng Việt và các dạng bài tập liên quan:

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
1. Biện pháp tu từ	- Nhận diện được các biện pháp - Phân tích hiệu quả diễn đạt trong văn bản
2. Điển tích điển cố	- Nhận diện và phân biệt điển tích và điển cố - Phân tích hiệu quả diễn đạt trong văn bản
3. Nghĩa của từ	- Phân tích nghĩa biểu đạt và sắc thái nghĩa của từ - Phân tích hiệu quả diễn đạt trong văn bản

PHẦN III. LÀM VĂN

- Viết đoạn văn nghị luận văn học 200 chữ phân tích đoạn trích truyện thơ Nôm
- Viết đoạn văn nghị luận xã hội 200 chữ về một vấn đề trong đời sống.

B. CÁC DẠNG BÀI TẬP THAM KHẢO:

Đề 1: Đọc văn bản sau:

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

*Đầu lòng hai ả tố nga,
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân.
Mai cốt cách, tuyết tinh thần,
Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười.
Vân xem trang trọng khác vời,
Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang.
Hoa cười, ngọc thốt đoan trang,
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.*

(Trích “Truyện Kiều, Nguyễn Du, NXB Văn hóa – Thông tin Hà Nội,
1995, tr.11)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định thể thơ của đoạn trích trên.

Câu 2 (0,5 điểm). Tìm những chi tiết miêu tả chân dung Thúy Vân trong những dòng thơ trên.

Câu 3 (1,0 điểm). Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá trong 2 dòng thơ sau:

Hoa cười, ngọc thốt đoan trang,

Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.

Câu 4 (1,0 điểm). Nêu ngắn gọn nội dung của văn bản.

Câu 5 (1,0 điểm). Từ dòng thơ “Hoa cười, ngọc thốt đoan trang”, em hãy rút ra bài học về cách ứng xử khi giao tiếp trong cuộc sống.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (3,0 điểm)

Em hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận về nhân vật Thúy Vân trong đoạn thơ sau:

“Vân xem trang trọng khác vời

Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang

Hoa cười, ngọc thốt đoan trang

Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.”

Câu 2 (3,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 200 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về vấn đề: **Tuổi trẻ với cách đối mặt và vượt qua thử thách.**

----- Hết -----

ĐỀ 2:

I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (4,0 điểm). Đọc đoạn trích sau:

<i>Khi tỉnh rượu lúc tàn canh,</i>	<i>Đòi phen gió tựa hoa kề,</i>
<i>Giật mình mình lại thương mình xót xa.</i>	<i>Nửa rèm tuyết ngậm bốn bề trăng thâu.</i>
<i>Khi sao phong gấm rủ là,</i>	<i>Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,</i>
<i>Giờ sao tan tác như hoa giữa đường.</i>	<i>Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ?</i>
<i>Mặt sao dày gió dạn sương,</i>	<i>Đòi phen nét vẽ câu thơ,</i>
<i>Thân sao bướm chán ong chường bấy thân!</i>	<i>Cung cầm trong nguyệt nước cờ dưới hoa.</i>
<i>Mặc người mưa Sở mây Tần,</i>	<i>Vui là vui gượng kéo là,</i>
<i>Những mình nào biết có xuân là gì.</i>	<i>Ai tri âm đó mặn mà với ai?</i>

(Nguyễn Du, theo *Truyện Kiều*, trong *Từ điển “Truyện Kiều”*, ĐÀO DUY ANH, NXB Khoa học xã hội, 1974)

***Chú thích:**

1. *Tiểu dẫn*: Khi Mã Giám Sinh đưa Kiều đến nhà chứa của Tú Bà, Kiều đã quyết liệt chống lại âm mưu biến nàng thành kĩ nữ, nhưng cuối cùng nàng đã rơi vào bẫy của Tú Bà và buộc phải tiếp khách.

2. *Mưa Sở mây Tần*: *mưa Sở*: mưa ở Vu Sơn nước Sở, chỉ quan hệ thân xác. Vì Tần thường được dùng đôi với Sở nên có *mây Tần* đối với *mây Sở* chứ *mây Tần* không có điển riêng.

3. *Nào biết có xuân là gì*: ý nói không vui thú gì.

4. *Gió tựa hoa kè: gió và hoa chỉ nam nữ.* Hai động từ *tựa, kè* diễn tả sự lả lơi của người khách làng chơi và kĩ nữ khi ngồi bên nhau.

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5:

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định thể thơ được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 2 (0,5 điểm). Tìm trong đoạn thơ sau những từ, cụm từ thể hiện sự đối lập giữa quá khứ và hiện tại của Thúy Kiều.

*Khi sao phong gấm rủ là,
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường.
Mặt sao dày gió dạn sương,
Thân sao bướm chán ong chường bấy thân!*

Câu 3 (1,0 điểm). Nêu tác dụng của bút pháp tả cảnh ngụ tình được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 4 (1,0 điểm). Em hãy nêu cảm nhận của mình về tâm trạng của Thúy Kiều trong hai câu thơ:

*“Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu”
“Vui là vui gương kéo là”*

Câu 5 (1,0 điểm). Qua đoạn trích trên, anh/chị hãy rút ra bài học cho bản thân.

II. PHẦN LÀM VĂN (6,0 điểm)

Câu 1. (3,0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về: *Ý nghĩa của sự kiên nhẫn.*

Câu 2. (3,0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích đoạn trích trong tác phẩm *Truyện Kiều* ở phần đọc hiểu.

ĐỀ 3:

I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (4,0 điểm). Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

*Bốn dây như khóc như than,
Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng.
Cùng chung một tiếng tơ đồng,
Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm.
Giọt châu lã chã khôn cầm,
Cúi đầu chàng những gạt thẳm giọt Tương.
Tiểu thư lại thét lấy nàng:
“Cuộc vui gẩy khúc đoạn trường ấy chi?
Sao chẳng biết ý tứ gì?
Cho chàng buồn bã, tội thì tại ngươi!”
Sinh càng thảm thiết bồi hồi,
Vội vàng gương nói gương cười cho qua.*

(Trích *Truyện Kiều* - Nguyễn Du, NXB Thời Đại, 2014, tr.57)

Chú thích:

Vị trí đoạn trích: Đoạn trích nằm ở phần thứ hai (*Gia biến và lưu lạc*). Thúy Kiều rơi vào lầu xanh, dù đã phản kháng nhưng không thoát khỏi mưu sâu của Tú Bà, nàng buộc phải làm gái lầu xanh. Tại đây nàng gặp Thúc Sinh – yêu Thúy Kiều đến si mê nên đã chuộc nàng ra và chung sống như vợ chồng. Nhưng Thúc Sinh đã có vợ là Hoạn Thư. Thúy Kiều khuyên Thúc Sinh về xin phép vợ để được chấp nhận về làm lẽ. Nhưng Thúc Sinh vừa đi khỏi thì Hoạn Thư đã sai người bắt cóc nàng về làm con hầu.

Hoạn Thư mở tiệc đãi chồng, sai Thuý Kiều quý mời rượu và đánh đàn cho nghe. Đây là đoạn trích thuật lại việc Hoạn Thư bắt Kiều đánh đàn hầu rượu vợ chồng mình để hạ nhục Kiều và răn đe Thúc Sinh.

(1)Tơ đồng: “Tơ” là dây đàn, theo phép chuyển nghĩa chỉ cái đàn; “đồng” là gỗ vông dùng làm đàn, theo phép chuyển nghĩa cũng nghĩa là cái đàn.

(2)Giọt châu: Giọt nước mắt.

(3)Giọt Tương: Giọt nước mắt.

(4)Đoạn trường: Đứt ruột, đau đớn như đứt ruột.

(5)Bồi hồi: Chỉ trong lòng bồn chồn khiến nghĩ đi nghĩ lại lan man.

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định thể thơ được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 2 (0,5 điểm). Tìm trong đoạn trích trên hai từ láy miêu tả nhân vật Thúc Sinh.

Câu 3 (1,0 điểm). Nêu tác dụng của phép đối được sử dụng trong hai dòng thơ sau:

Cùng chung một tiếng tơ đồng,

Người ngoài cười nụ người trong khóc thầm.

Câu 4 (1,0 điểm). Em hãy nêu ngắn gọn tâm trạng của Thúc Sinh được thể hiện trong hai dòng thơ dưới đây:

Sinh càng thảm thiết bồi hồi,

Vội vàng gượng nói gượng cười cho qua.

Câu 5 (1,0 điểm). Từ cảm nhận về nhân vật Thuý Kiều trong đoạn trích trên, hãy nêu nhận xét của em về thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm).

Câu 1 (3,0 điểm).

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) bày tỏ suy nghĩ của em về: vai trò của sự sáng tạo.

Câu 2 (3,0 điểm).

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích đoạn trích sau trong tác phẩm “Truyện Kiều” của Nguyễn Du.

Bốn dây như khóc như than,

Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng.

Cùng chung một tiếng tơ đồng,

Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm.

Giọt châu lẫn chã khôn cầm,

Cúi đầu chàng những gạt thăm giọt Tương.

BGH duyệt

Tổ trưởng CM

Giáo viên

Kiều Thị Hải

Nguyễn Thị Thắm

Lê Thùy Vân